BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 543 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2020 - 2021

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Căn cứ Kết luận cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Nhà trường thông báo kết luận cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng năm học 2020 - 2021 như sau:

1. Đối với viên chức giảng dạy (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 1*)

+ Mức A^+: điểm đánh giá từ 105 điểm trở lên.

+ Mức A: điểm đánh giá từ 100 điểm đến nhỏ hơn 105 điểm.

+ Mức B: điểm đánh giá từ 80 điểm đến nhỏ hơn 100 điểm.

+ Mức C: điểm đánh giá nhỏ hơn 80 điểm.

Điểm đánh giá xác định theo quy định của Nhà trường được làm tròn các số thập phân đến hàng đơn vị.

2. Đối với nhân viên hành chính (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 1*)

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng dựa trên đề xuất của đơn vị: việc chấp hành các quy định của Nhà trường; căn cứ kết quả xếp loại Khoa, Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm và tương đương theo quy định của Nhà trường và quyết định của Hội đồng đánh giá, xếp loại (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 2*), tỷ lệ mức xếp loại nhân viên hành chính như sau:

+ Nếu đơn vị đạt mức A+ thì tối đa 70% cá nhân đạt mức xếp loại chất lượng A^+.

+ Nếu đơn vị đạt mức A thì tối đa 50% cá nhân đạt mức xếp loại chất lượng A^+.

+ Nếu đơn vị đạt mức B thì tối đa 30% cá nhân đạt mức xếp loại chất lượng từ Mức A trở lên.

+ Nếu đơn vị đạt mức C thì tối đa 20% cá nhân đạt mức xếp loại chất lượng từ Mức A trở lên và tối thiểu 20% cá nhân bị xếp loại chất lượng ở mức C.

Trưởng Khoa, Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm và tương đương căn cứ vào kết quả xếp loại của đơn vị, kiểm tra, điều chỉnh tỷ lệ xếp loại nhân viên hành chính theo đúng quy định nêu trên (nếu có vượt tỷ lệ theo quy định).

3. Tạm thời chưa thực hiện nguyên tắc mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Trưởng đơn vị (Bộ môn và tương đương trở lên) không được cao hơn mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị trực tiếp phụ trách trong năm học 2020 - 2021.

4. Do tình hình dịch Covid-19, Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng và các Phó chủ tịch Hội đồng giải quyết các kiến nghị, phản ánh về mức xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2020 - 2021.

5. Các ý kiến phản hồi về kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân và tập thể năm học 2020 - 2021 tập hợp theo đơn vị (Khoa, Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm), gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ trước **17h00 ngày 18/10/2021** (đ/c Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định.

Nơi nhận:
- Các đơn vị (để t/hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TCCB

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS. TS Nguyễn Ngọc Khánh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Phụ lục số 01

(Kèm theo Công văn số: 543 /MĐC-TCCB ngày 16 tháng 10 năm 2021)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	x				
5	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
6	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
7	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
8	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
9	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện	x				
10	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
11	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện	x				
12	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện	x				
13	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
14	Nguyễn Văn Tuệ	Khoa Cơ - Điện			x		
15	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
16	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện			x		
17	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x			
19	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện	x				
20	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện	x				
21	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện	x				
22	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
23	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện			x		
24	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện			x		
25	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện			x		
26	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện			x		
27	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện			x		
28	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện			x		
29	Vũ Đỗ Dũng	Khoa Cơ - Điện					x
30	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Nguyễn Đăng Tấn	Khoa Cơ - Điện	x				
33	Đoàn Văn Giáp	Khoa Cơ - Điện			x		
34	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x		
35	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
36	Kiều Đức Thịnh	Khoa Cơ - Điện			x		
37	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
38	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
39	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện			x		
40	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện			x		
41	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện					x
42	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện	x				
43	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện	x				
44	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện	x				
45	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện	x				

46	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
47	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện	x				
48	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
49	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	x				
50	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	x				
51	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
52	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
53	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
54	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện		x			
55	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
56	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện		x			
57	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện	x				
58	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
59	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin	x				
60	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
61	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
62	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
63	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
64	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
65	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
66	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
67	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
69	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin	x				
70	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
71	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
72	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin	x				
73	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
74	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
76	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
78	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
79	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
80	Trần Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
81	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
82	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin	x				
83	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
84	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
85	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
86	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x			
87	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
88	Tạ Quang Chiểu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
89	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
90	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
91	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
92	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
93	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin	x				
94	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin		x			
95	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
96	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin		x			
97	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			

98	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin			x		
99	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin	x				
100	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
101	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
102	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
103	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
104	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
105	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	x				
106	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin	x				
107	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
108	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	x				
109	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
110	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
111	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin			x		
112	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin		x			
113	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
114	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin		x			
115	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
116	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin	x				
117	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
118	Võ Thị Thu Trang	Khoa Công nghệ thông tin					x
119	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
120	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin					x
121	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin					x
122	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
123	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí			x		
124	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí			x		
125	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí			x		
126	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí			x		
127	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí	x				
128	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí		x			
129	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí	x				
130	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí	x				
131	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí		x			
132	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí	x				
133	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí		x			
134	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí	x				
135	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí	x				
136	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí	x				
137	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí	x				
138	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí	x				
139	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí		x			
140	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí	x				
141	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí	x				
142	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí	x				
143	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí	x				
144	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí		x			
145	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí	x				
146	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí		x			
147	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí		x			
148	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí	x				
149	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí	x				

150	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí	x				
151	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí	x				
152	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí	x				
153	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí		x			
154	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí	x				
155	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí	x				
156	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí	x				
157	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí	x				
158	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí		x			
159	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí		x			
160	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí	x				
161	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí	x				
162	Triệu Hùng Trường	Khoa Dầu khí		x			
163	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí			x		
164	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí					x
165	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí			x		
166	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí					x
167	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí					x
168	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí			x		
169	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí			x		
170	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí					x
171	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí					x
172	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí			x		
173	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí					x
174	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí					x
175	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí			x		
176	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
177	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
178	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
179	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
180	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
181	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
182	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
183	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
184	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
185	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
186	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
187	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
188	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
189	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
190	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
191	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
192	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
193	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
194	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản			x		
195	Trần Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản					x
196	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
197	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
198	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
199	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản				x	
200	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
201	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản				x	

202	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản				x	
203	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
204	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
205	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
206	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản				x	
207	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
208	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
209	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
210	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
211	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản			x		
212	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
213	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
214	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x		
215	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
216	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
217	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
218	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
219	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
220	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
221	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
222	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
223	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
224	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
225	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
226	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
227	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
228	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
229	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
230	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
231	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
232	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
233	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản	x				
234	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
235	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
236	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
237	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
238	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
239	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
240	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
241	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản		x			
242	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
243	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản	x				
244	Nguyễn Quang Huy	Khoa Khoa học cơ bản	x				
245	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
246	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
247	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
248	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
249	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
250	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
251	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản	x				
252	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			
253	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x			

254	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
255	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản	x				
256	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản			x		
257	Nguyễn Trường Thanh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
258	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	x				
259	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
260	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
261	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
262	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản					x
263	Trần Thanh Hải	Khoa KH và KTĐC		x			
264	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa KH và KTĐC			x		
265	Ngô Thị Kim Chi	Khoa KH và KTĐC	x				
266	Bùi Vinh Hậu	Khoa KH và KTĐC	x				
267	Hoàng Đình Quế	Khoa KH và KTĐC			x		
268	Phan Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
269	Nhữ Việt Hà	Khoa KH và KTĐC	x				
270	Phạm Thị Việt Nga	Khoa KH và KTĐC			x		
271	Nguyễn Thành Dương	Khoa KH và KTĐC	x				
272	Nguyễn Văn Hùng	Khoa KH và KTĐC		x			
273	Nguyễn Văn Lâm	Khoa KH và KTĐC	x				
274	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa KH và KTĐC				x	
275	Vũ Thu Hiền	Khoa KH và KTĐC				x	
276	Trần Vũ Long	Khoa KH và KTĐC			x		
277	Đào Đức Bằng	Khoa KH và KTĐC			x		
278	Lê Tiến Dũng	Khoa KH và KTĐC					x
279	Nguyễn Khắc Giảng	Khoa KH và KTĐC			x		
280	Đặng Thị Vinh	Khoa KH và KTĐC		x			
281	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa KH và KTĐC			x		
282	Phạm Trường Sinh	Khoa KH và KTĐC			x		
283	Nguyễn Trung Thành	Khoa KH và KTĐC		x			
284	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa KH và KTĐC		x			
285	Phan Viết Sơn	Khoa KH và KTĐC			x		
286	Khương Thế Hùng	Khoa KH và KTĐC	x				
287	Đỗ Mạnh An	Khoa KH và KTĐC	x				
288	Bùi Thanh Tịnh	Khoa KH và KTĐC	x				
289	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa KH và KTĐC	x				
290	Tạ Thị Toán	Khoa KH và KTĐC			x		
291	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa KH và KTĐC		x			
292	Lê Thị Thu	Khoa KH và KTĐC		x			
293	Hoàng Thị Thoa	Khoa KH và KTĐC	x				
294	Nguyễn Khắc Du	Khoa KH và KTĐC	x				
295	Ngô Xuân Đắc	Khoa KH và KTĐC			x		
296	Kiều Thị Vân Anh	Khoa KH và KTĐC			x		
297	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa KH và KTĐC	x				
298	Phùng Hữu Hải	Khoa KH và KTĐC			x		
299	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa KH và KTĐC	x				
300	Vũ Thị Hiền	Khoa KH và KTĐC			x		
301	Hà Thành Như	Khoa KH và KTĐC			x		
302	Hồ Thanh Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
303	Phan Thị Thùy Dương	Khoa KH và KTĐC	x				
304	Ngô Xuân Thành	Khoa KH và KTĐC	x				
305	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa KH và KTĐC			x		

306	Bùi Trường Sơn	Khoa KH và KTĐC	x				
307	Nguyễn Văn Phóng	Khoa KH và KTĐC	x				
308	Nguyễn Thị Nụ	Khoa KH và KTĐC	x				
309	Nguyễn Bách Thảo	Khoa KH và KTĐC	x				
310	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa KH và KTĐC		x			
311	Tô Xuân Bản	Khoa KH và KTĐC	x				
312	Phạm Thị Vân Anh	Khoa KH và KTĐC			x		
313	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa KH và KTĐC	x				
314	Lương Quang Khang	Khoa KH và KTĐC	x				
315	Bùi Hoàng Bắc	Khoa KH và KTĐC	x				
316	Vũ Anh Thư	Khoa KH và KTĐC					x
317	Đào Văn Nghiêm	Khoa KH và KTĐC					x
318	Nguyễn Trường Tài	Khoa KH và KTĐC					x
319	Vũ Anh Đạo	Khoa KH và KTĐC		x			
320	Bùi Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
321	Dương Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
322	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa KH và KTĐC			x		
323	Vũ Văn Hưng	Khoa KH và KTĐC					x
324	Trần Quang Tuấn	Khoa KH và KTĐC			x		
325	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa KH và KTĐC			x		
326	Lê Xuân Trường	Khoa KH và KTĐC					x
327	Phạm Như Sang	Khoa KH và KTĐC					x
328	Nguyễn Duy Hưng	Khoa KH và KTĐC					x
329	Nguyễn Đình Luyện	Khoa KH và KTĐC					x
330	Nguyễn Xuân Phú	Khoa KH và KTĐC					x
331	Phạm Minh Tuấn	Khoa KH và KTĐC					x
332	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
333	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
334	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
335	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
336	Phan Thị Thái	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
337	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
338	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
339	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
340	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
341	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
342	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
343	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
344	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
345	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
346	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
347	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
348	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
349	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
350	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
351	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
352	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
353	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
354	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
355	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
356	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
357	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				

358	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
359	Vũ Thị Hiền	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
360	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
361	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
362	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
363	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
364	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
365	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
366	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
367	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
368	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
369	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
370	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
371	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
372	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
373	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
374	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
375	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
376	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
377	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		X			
378	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
379	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
380	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
381	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
382	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
383	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
384	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
385	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
386	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị	x				
387	Nguyễn Lê Hà Giang	Khoa Lý luận chính trị					x
388	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
389	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
390	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
391	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị	x				
392	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
393	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
394	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
395	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
396	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
397	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị	x				
398	Nguyễn Thi Phương	Khoa Lý luận chính trị			x		
399	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x				
400	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
401	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ	x				
402	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ	x				
403	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
404	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
405	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ				x	
406	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ	x				
407	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ			x		
408	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
409	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ	x				

410	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ	x				
411	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ	x				
412	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
413	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
414	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
415	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ		x			
416	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
417	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
418	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
419	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ			x		
420	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ	x				
421	Nguyễn Ngọc Phú	Khoa Mỏ			x		
422	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
423	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x				
424	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
425	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
426	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ	x				
427	Lê Thị Hải	Khoa Mỏ			x		
428	Nhữ Văn Phúc	Khoa Mỏ			x		
429	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ	x				
430	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ	x				
431	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x				
432	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ	x				
433	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ	x				
434	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ	x				
435	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ	x				
436	Bùi Xuân Nam	Khoa Mỏ		x			
437	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ			x		
438	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ	x				
439	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ	x				
440	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ	x				
441	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
442	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ			x		
443	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ		x			
444	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ			x		
445	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
446	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ					x
447	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
448	Đặng Quang Hưng	Khoa Mỏ					x
449	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường	x				
450	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường	x				
451	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
452	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường		x			
453	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
454	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
455	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường	x				
456	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
457	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường	x				
458	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường		x			
459	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường		x			
460	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường			x		
461	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường		x			

462	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường	x				
463	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường	x				
464	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường		x			
465	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
466	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường		x			
467	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường	x				
468	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường	x				
469	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
470	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường			x		
471	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường	x				
472	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường	x				
473	Nguyễn Phương	Khoa Môi trường	x				
474	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường	x				
475	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
476	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường	x				
477	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		#REF!
478	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
479	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường			x		
480	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	x				
481	Hoàng Thu Trang	Khoa Môi trường			x		
482	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường			x		
483	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
484	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
485	Nguyễn Văn Lợi	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
486	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
487	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
488	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
489	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
490	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
491	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
492	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
493	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
494	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
495	Trần Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
496	Đinh Thị Lệ Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
497	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
498	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
499	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
500	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
501	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
502	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
503	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
504	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
505	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
506	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
507	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
508	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
509	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
510	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
511	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
512	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
513	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				

514	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
515	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
516	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
517	Đinh Công Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
518	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
519	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ				x	
520	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
521	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
522	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
523	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
524	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
525	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
526	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
527	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
528	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
529	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
530	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
531	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
532	Bùi Ngọc Quý	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
533	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
534	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
535	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
536	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
537	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
538	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
539	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
540	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
541	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
542	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
543	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
544	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
545	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
546	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
547	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
548	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
549	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
550	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
551	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
552	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
553	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
554	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
555	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
556	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
557	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
558	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
559	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
560	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
561	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng	x				
562	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
563	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
564	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
565	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng	x				

566	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng	x				
567	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
568	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
569	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
570	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
571	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng		x			
572	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng		x			
573	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
574	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng		x			
575	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng			x		
576	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng			x		
577	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
578	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng		x			
579	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	x				
580	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng	x				
581	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	x				
582	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x				
583	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	x				
584	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x				
585	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng		x			
586	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng	x				
587	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng	x				
588	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
589	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng			x		
590	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng			x		
591	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
592	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng			x		
593	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
594	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
595	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
596	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
597	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án		x			
598	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án	x				
599	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án	x				
600	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án		x			
601	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án		x			
602	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
603	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
604	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
605	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
606	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
607	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
608	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
609	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất			x		
610	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
611	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
612	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
613	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất			x		
614	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
615	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
616	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
617	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x			

618	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
619	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
620	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
621	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
622	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
623	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
624	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
625	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học		x			
626	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học	x				
627	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học	x				
628	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học	x				
629	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học		x			
630	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học		x			
631	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học	x				
632	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học		x			
633	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học	x				
634	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học		x			
635	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học		x			
636	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
637	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
638	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
639	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
640	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
641	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
642	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
643	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
644	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
645	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
646	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
647	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
648	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
649	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
650	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
651	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
652	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
653	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
654	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
655	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
656	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
657	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
658	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
659	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
660	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
661	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
662	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
663	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
664	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
665	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế	x				
666	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
667	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
668	Đỗ Bảo Anh Phương	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
669	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		

670	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
671	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
672	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
673	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
674	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
675	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
676	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
677	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
678	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
679	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
680	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
681	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
682	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
683	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD		x			
684	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD	x				
685	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD	x				
686	Lê Chí Phúc	Phòng QHCC & DN		x			
687	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC & DN	x				
688	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC & DN	x				
689	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC & DN		x			
690	Nguyễn Thế Anh	Phòng QHCC & DN			x		
691	Đặng Lê Văn	Phòng QHCC & DN	x				
692	Nguyễn Kim Chung	Phòng QHCC & DN		x			
693	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
694	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
695	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
696	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
697	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
698	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
699	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	x				
700	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản		x			
701	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	x				
702	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế	x				
703	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế		x			
704	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	x				
705	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x			
706	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
707	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
708	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ	x				
709	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
710	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ	x				
711	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
712	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
713	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
714	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
715	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			
716	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
717	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
718	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
719	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
720	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
721	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			

722	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ		x			
723	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG	x				
724	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG		x			
725	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG	x				
726	Trần Thị Thu Hiền	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG					x
727	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN công nghệ cao	x				
728	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
729	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
730	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
731	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
732	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
733	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
734	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
735	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
736	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
737	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
738	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
739	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
740	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
741	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
742	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
743	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
744	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
745	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
746	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x			
747	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
748	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
749	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
750	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			
751	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
752	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
753	Trần Thị Thu Trang	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
754	Trần Trung Nguyên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
Tổng cộng			**386**	**173**	**137**	**9**	**49**

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Công văn số: 543 /MĐC-TCCB ngày 16 tháng 10 năm 2021)

TT	Đơn vị	Mức xếp loại			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa**				
1	**Khoa Cơ - Điện**	x			
2	Bộ môn Điện khí hóa	x			
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí			x	
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử			x	
5	Bộ môn Máy và Thiết bị CN			x	
6	Bộ môn Tự động hóa XN M&DK	x			
7	Xưởng Cơ - Điện	x			
8	**Khoa Công nghệ thông tin**	x			
9	BM Tin học Kinh tế	x			
10	BM Khoa học máy tính	x			
11	Bộ môn Mạng máy tính	x			
12	Bộ môn Tin học Địa chất	x			
13	BM HT Thông tin và Tri thức	x			
14	BM Tin học Trắc địa	x			
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm	x			
16	Phòng TN Địa - Tin học	x			
17	**Khoa Dầu khí**	x			
18	Bộ môn Địa chất dầu			x	
19	Bộ môn Địa vật lý	x			
20	Bộ môn Khoan - Khai thác	x			
21	Bộ môn Lọc hóa dầu	x			
22	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	x			
23	**Khoa Giáo dục quốc phòng**	x			
24	Bộ môn Đường lối quân sự	x			
25	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	x			
26	**Khoa Khoa học cơ bản**			x	
27	Bộ môn Cơ lý thuyết	x			
28	Bộ môn Giáo dục thể chất	x			
29	Bộ môn Hình họa			x	
30	Bộ môn Hóa			x	
31	Bộ môn Ngoại ngữ			x	
32	Bộ môn Toán	x			
33	Bộ môn Vật lý	x			
34	**Khoa Khoa học và KTĐC**			x	
35	Bộ môn Địa chất			x	
36	Bộ môn Địa chất công trình	x			
37	Bộ môn Địa chất Thủy văn			x	
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa			x	
39	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	x			
40	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
41	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	x			
42	Bộ môn QTKD Mỏ	x			
43	Bộ môn Kinh tế cơ sở	x			
44	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	x			
45	**Khoa Lý luận chính trị**	x			

TT	Đơn vị	Mức xếp loại			
		A+	A	B	C
46	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN	x			
47	Bộ môn Triết học và Pháp luật	x			
48	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH	x			
49	**Khoa Mỏ**	x			
50	Bộ môn Khai thác hầm lò	x			
51	Bộ môn Khai thác lộ thiên	x			
52	Bộ môn Sức bền vật liệu			x	
53	Bộ môn Tuyển khoáng	x			
54	**Khoa Môi trường**			x	
55	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	x			
56	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	x			
57	Bộ môn Môi trường cơ sở			x	
58	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**	x			
59	Bộ môn Bản đồ	x			
60	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	x			
61	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	x			
62	Bộ môn Trắc địa Công trình	x			
63	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
64	Bộ môn Địa chính			x	
65	Bộ môn Trắc địa Phổ thông			x	
66	Tổ máy Trắc địa	x			
67	**Khoa Xây dựng**	x			
68	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
69	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
70	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	x			
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x		
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo đại học	x			
4	Phòng Đào tạo sau đại học	x			
5	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x		
7	Phòng hợp tác Quốc tế		x		
8	Phòng Khoa học Công nghệ		x		
9	Phòng Kế hoạch Tài chính			x	
10	Phòng QHCC & DN		x		
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x		
12	Phòng Xuất bản		x		
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x	
14	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x		
15	Trạm Y tế	x			
16	Trung tâm Dịch vụ		x		
17	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học		x		
18	Trung tâm PTTN công nghệ cao		x		
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x		
20	Ban Quản lý các dự án		x		
21	VP Đại diện		x		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 191 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và tập thể năm học 2021 - 2022

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 613/TTr-MĐC ngày 11/11/2022 của Hiệu trưởng về việc xem xét quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 16/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và tập thể năm học 2021 - 2022 gồm các cá nhân và tập thể có tên trong danh sách kèm theo

Điều 2. Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 191 /NQ-HĐT ngày 18 tháng 11 năm 2022)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
1	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện	x			
2	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện	x			
3	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	x			
4	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện	x			
5	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện	x			
6	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x			
7	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x			
8	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	x			
9	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x		
10	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện	x			
11	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện	x			
12	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện	x			
13	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện		x		
14	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	x			
15	Nguyễn Đăng Tấn	Khoa Cơ - Điện	x			
16	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện	x			
17	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện	x			
18	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x			
19	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin	x			
20	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin	x			
21	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x			
22	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	x			
23	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	x			
24	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin	x			
25	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	x			
26	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin	x			
27	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin	x			
28	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin		x		
29	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	x			
30	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin	x			
31	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	x			
32	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	x			
33	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin		x		
34	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí	x			
35	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí		x		
36	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí	x			
37	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí	x			
38	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí	x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
39	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí	x			
40	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí	x			
41	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí	x			
42	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí	x			
43	Lê Quạng Duyến	Khoa Dầu khí		x		
44	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí	x			
45	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí	x			
46	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí	x			
47	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí	x			
48	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí	x			
49	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x			
50	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng	x			
51	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng	x			
52	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	x			
53	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản	x			
54	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x			
55	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản		x		
56	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản		x		
57	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản			x	
58	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x		
59	Nguyễn Quang Huy	Khoa Khoa học cơ bản	x			
60	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x			
61	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x			
62	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản			x	
63	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x		
64	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản		x		
65	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x		
66	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản	x			
67	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x		
68	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x		
69	Nguyễn Trường Thanh	Khoa Khoa học cơ bản	x			
70	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x			
71	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	x			
72	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC		x		
73	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
74	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
75	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
76	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
77	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
78	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
79	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
80	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x		
81	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC			x	
82	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC		x		
83	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
84	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
85	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
86	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
87	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
88	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
89	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
90	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
91	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
92	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
93	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
94	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
95	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
96	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
97	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x			
98	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	x			
99	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị	x			
100	Nguyễn Thi Phương	Khoa Lý luận chính trị	x			
101	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ	x			
102	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x			
103	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ	x			
104	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ	x			
105	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ	x			
106	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ	x			
107	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ	x			
108	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ	x			
109	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ	x			
110	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ	x			
111	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ	x			
112	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường		x		
113	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường	x			
114	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường	x			
115	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường	x			
116	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường	x			
117	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x		
118	Bùi Ngọc Quý	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
119	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
120	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
121	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
122	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
123	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
124	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
125	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
126	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
127	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
128	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
129	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
130	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
131	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
132	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x		
133	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x		
134	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
135	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
136	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	x			
137	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng	x			
138	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	x			
139	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x			
140	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x			
141	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng	x			
142	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng	x			
143	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng	x			
144	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án	x			
145	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x		
146	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x			
147	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính	x			
148	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
149	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC&DN	x			
150	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức Cán bộ	x			
151	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức Cán bộ	x			
152	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - TV	x			
153	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - TV	x			
154	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	x			
155	Trần Thị Thu Trang	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 191 /NQ-HĐT ngày 18 tháng 11 năm 2022)

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa**				
1	**Khoa Cơ - Điện**	x			
2	Bộ môn Điện khí hóa XN	x			
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		x		
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	x			
5	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	x			
6	Bộ môn Tự động hóa XN M&DK	x			
7	Xưởng Cơ - Điện	x			
8	**Khoa Công nghệ thông tin**	x			
9	Bộ môn Tin học Kinh tế	x			
10	Bộ môn Khoa học máy tính	x			
11	Bộ môn Mạng máy tính	x			
12	Bộ môn Tin học Địa chất			x	
13	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức	x			
14	Bộ môn Tin học Trắc địa	x			
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm	x			
16	Phòng TN Địa - Tin học	x			
17	**Khoa Dầu khí**			x	
18	Bộ môn Địa chất dầu			x	
19	Bộ môn Địa vật lý		x		
20	Bộ môn Khoan - Khai thác	x			
21	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	x			
22	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	x			
23	**Khoa Giáo dục quốc phòng**	x			
24	Bộ môn Đường lối quân sự	x			
25	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	x			
26	**Khoa Khoa học cơ bản**			x	
27	Bộ môn Cơ lý thuyết			x	
28	Bộ môn Giáo dục thể chất	x			
29	Bộ môn Hình họa			x	
30	Bộ môn Hóa			x	
31	Bộ môn Ngoại ngữ	x			
32	Bộ môn Toán	x			
33	Bộ môn Vật lý	x			
34	**Khoa Khoa học và KTĐC**	x			
35	Bộ môn Địa chất	x			
36	Bộ môn Địa chất công trình	x			
37	Bộ môn Địa chất Thủy văn		x		
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa			x	

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
39	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	x			
40	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
41	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	x			
42	Bộ môn QTKD Mỏ	x			
43	Bộ môn Kinh tế cơ sở	x			
44	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	x			
45	**Khoa Lý luận chính trị**	x			
46	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN	x			
47	Bộ môn Triết học và Pháp luật	x			
48	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH	x			
49	**Khoa Mỏ**			x	
50	Bộ môn Khai thác hầm lò			x	
51	Bộ môn Khai thác lộ thiên	x			
52	Bộ môn Sức bền vật liệu			x	
53	Bộ môn Tuyển khoáng	x			
54	**Khoa Môi trường**			x	
55	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT			x	
56	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	x			
57	Bộ môn Môi trường cơ sở			x	
58	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**	x			
59	Bộ môn Bản đồ		x		
60	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	x			
61	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	x			
62	Bộ môn Trắc địa Công trình	x			
63	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
64	Bộ môn Địa chính		x		
65	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	x			
66	Tổ máy Trắc địa	x			
67	**Khoa Xây dựng**	x			
68	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
69	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
70	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	x			
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác chính trị - SV		x		
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo Đại học	x			
4	Phòng Đạo tạo sau đại học	x			
5	Phòng ĐBCLGD		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x			
7	Phòng Hợp tác quốc tế	x			
8	Phòng KHCN	x			
9	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
10	Phòng Quan hệ CC và DN	x			
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x			
12	Phòng Xuất bản		x		
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x		
14	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x			

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
15	Trạm y tế	x			
16	Trung tâm dịch vụ		x		
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x			
18	Trung tâm PTTN CN cao	x			
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x			
20	Ban quản lý các dự án	x			
21	Văn phòng Đại diện	x			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 01/11/2022 của Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2021 - 2022 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐT, ĐUT (để báo cáo);
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI VIÊN CHỨC KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-MĐC ngày tháng năm 2022)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
4	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
5	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
6	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện			x		
7	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
8	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x			
9	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
10	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
11	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện		x			
12	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	x				
13	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện			x		
16	Đoàn Văn Giáp	Khoa Cơ - Điện	x				
17	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	x				
19	Kiều Đức Thịnh	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
21	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
23	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện		x			
24	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
25	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	x				
26	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện		x			
27	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện			x		
28	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện	x				
33	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
34	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện	x				
35	Vũ Đỗ Dũng	Khoa Cơ - Điện					x
36	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện					x
37	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
38	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện					x
39	Nguyễn ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
40	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
41	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
42	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
43	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
46	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
47	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
48	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
49	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
51	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin	x				
52	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
53	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
54	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
55	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
56	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin		x			
57	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
59	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
60	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
61	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
62	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
63	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
64	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
65	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
66	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
67	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
69	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
70	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin	x				
71	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
72	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
73	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
74	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin			x		
76	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
78	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
79	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
80	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
81	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
82	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin					x
83	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin					x
84	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
85	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
86	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí		x			
87	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí		x			
88	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí				x	
89	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí		x			
90	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí			x		
91	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
92	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí	x				
93	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí			x		
94	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí			x		
95	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí		x			
96	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí		x			
97	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí	x				
98	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí	x				
99	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí			x		
100	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí	x				
101	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí	x				
102	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí	x				
103	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí	x				
104	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí		x			
105	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí	x				
106	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí	x				
107	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí	x				
108	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí	x				
109	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí	x				
110	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí		x			
111	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí		x			
112	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí					x
113	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí			x		
114	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí					x
115	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí					x
116	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí					x
117	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí					x
118	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí					x
119	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí					x
120	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí					x
121	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí					x
122	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí					x
123	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí					x
124	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
125	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
126	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
127	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
128	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
129	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
130	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng					**x**
131	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
132	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
133	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
134	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
135	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
136	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
137	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
138	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
139	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
140	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
141	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
142	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
143	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản				x	
144	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
145	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
146	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
147	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản				x	
148	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
149	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
150	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
151	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
152	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
153	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
154	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
155	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
156	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản	x				
157	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản	x				
158	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
159	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
161	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
162	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản		x			
163	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
164	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản	x				
165	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
166	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
167	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
168	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
169	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
170	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
171	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
172	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
173	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
174	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
175	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
176	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
177	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
178	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
179	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
180	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản			x		
181	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
182	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
183	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
184	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
185	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
186	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
187	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
188	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản	x				
189	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản					x
190	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
191	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
192	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
193	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
194	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
195	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
196	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
197	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
198	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
199	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
200	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
201	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
202	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
203	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
204	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
205	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
206	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
207	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
208	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
209	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
210	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
211	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
212	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
213	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
214	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
215	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
216	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
217	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
218	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
219	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
220	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
221	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
222	Ngô Xuân Đắc	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
223	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
224	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
225	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
226	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC					x
227	Nguyễn Khắc Giảng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
228	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x
229	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x
230	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x
231	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC					x
232	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x
233	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
234	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC					x
235	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC					x
236	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC					x
237	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
238	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
239	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC					x
240	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
241	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
242	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
243	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
244	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
245	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
246	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
250	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
251	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
252	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
254	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
255	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
256	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
257	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
258	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
261	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
267	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
268	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
269	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
270	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
271	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
272	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
273	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
274	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
275	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
276	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
277	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
278	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
279	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
280	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
281	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
282	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
283	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
284	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị	x				
285	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
286	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị	x				
287	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
288	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
289	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
290	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
291	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
292	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
293	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x			
294	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ	x				
295	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
296	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
297	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ		x			
298	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ	x				
299	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ				x	
300	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
301	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ	x				
302	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
303	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
304	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
305	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
306	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ	x				
307	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
308	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ			x		
309	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
310	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
311	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
312	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ	x				
313	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
314	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
315	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x				
316	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
317	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
318	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ		x			
319	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ		x			
320	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ			x		
321	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
322	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
323	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ					x
324	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
325	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
326	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x		
327	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
328	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
329	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường			x		
330	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
331	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường			x		
332	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
333	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường		x			
334	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường	x				
335	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường	x				
336	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường	x				
337	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường	x				
338	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
339	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			
340	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường			x		
341	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
342	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường		x			
343	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
344	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
345	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
346	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
347	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	x				
348	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
349	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
350	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
351	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
352	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
353	Nguyễn Văn Lợi	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
354	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
355	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
356	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
357	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
358	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
359	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
360	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
361	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
362	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
363	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
364	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
365	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
366	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
367	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
368	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
369	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
370	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
371	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
372	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
373	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
374	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
375	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
376	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
377	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
378	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
379	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
380	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
381	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
382	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
383	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
384	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
385	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
386	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
387	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
388	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
389	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
390	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
391	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
392	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
393	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
394	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
395	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
396	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
397	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
398	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
399	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
400	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
401	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
402	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
403	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
404	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
405	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
406	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
407	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
408	Đinh Thị Lệ Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
409	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng	x				
410	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
411	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
412	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
413	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
414	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng			x		
415	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
416	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
417	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
418	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
419	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	x				
420	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
421	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng	x				
422	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x				
423	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng	x				
424	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng	x				
425	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	x				
426	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng	x				
427	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng		x			
428	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
429	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng			x		
430	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng					x
431	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
432	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
433	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
434	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
435	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
436	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
437	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án	x				
438	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án		x			
439	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án	x				
440	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án	x				
441	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
442	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
443	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
444	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất			x		
445	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
446	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
447	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
448	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
449	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
450	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
451	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất	x				
452	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
453	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất			x		
454	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
455	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
456	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
457	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
458	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
459	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
460	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
461	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
462	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
463	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
464	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
465	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
466	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học	x				
467	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học	x				
468	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học	x				
469	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học		x			
470	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học	x				
471	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học	x				
472	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học	x				
473	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học	x				
474	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học		x			
475	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học	x				
476	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học		x			
477	Hà Ngọc Kiên	Phòng đào tạo sau đại học	x				
478	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng đào tạo sau đại học		x			
479	Nguyễn Thị Vân	Phòng đào tạo sau đại học	x				
480	Phạm Ngọc Hà	Phòng đào tạo sau đại học	x				
481	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
482	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
483	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
484	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
485	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
486	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
487	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
488	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
489	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
490	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
491	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
492	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
493	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
494	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
495	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
496	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
497	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
498	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
499	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
500	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
501	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
502	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
503	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
504	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
505	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
506	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
507	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
508	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
509	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
510	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
511	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
512	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
513	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
514	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
515	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
516	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
517	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
518	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC&DN		x			
519	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
520	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
521	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
522	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
523	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức Cán bộ		x			
524	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ	x				
525	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức Cán bộ	x				
526	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
527	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	x				
528	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản			x		
529	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x			
530	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
531	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
532	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ	x				
533	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
534	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
535	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ	x				
536	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
537	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
538	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
539	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
540	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
541	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
542	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
543	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
544	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
545	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
546	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ	x				
547	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học		x			
548	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
549	Ngô Huyền Giang	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
550	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PT, TN CN cao	x				
551	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - TV	x				
552	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - TV	x				
553	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
554	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - TV	x				
555	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - TV	x				
556	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - TV	x				
557	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - TV	x				
558	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
559	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - TV	x				
560	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
561	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - TV		x			
562	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - TV	x				
563	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - TV		x			
564	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - TV		x			
565	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - TV		x			
566	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	x				
567	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	x				
568	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế		x			
569	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
570	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến	x				
571	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến					x
572	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
573	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
574	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
575	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
576	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 135 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và thành viên HĐT là viên chức của Trường, tập thể năm học 2022 - 2023

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 53/TTr-MĐC ngày 13/9/2023 của Hiệu trưởng về việc xem xét quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 15/9/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và thành viên HĐT là viên chức của Trường, tập thể năm học 2022 - 2023 gồm các cá nhân và tập thể có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS.TS Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG LÀ VIÊN CHỨC CỦA TRƯỜNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 135 /NQ-HĐT ngày 26 tháng 9 năm 2023)

TT	Họ và tên	Khoa	Nhóm	Mức đánh giá, xếp loại				
				A+	A	B	C	KĐG
1	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
2	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
3	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
4	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
5	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
6	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện	3C	x				
7	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
8	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
9	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
10	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
11	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện	3E	x				
12	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện	3B	x				
13	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	3B	x				
14	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện	3D	x				
15	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện	3B	x				
16	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện	3B	x				
17	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	3B	x				
18	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
19	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin	3D	x				
20	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	3B	x				
21	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
22	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
23	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
24	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	3B	x				
25	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
26	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
27	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
28	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
29	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
30	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				
31	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Nhóm	Mức đánh giá, xếp loại				
				A+	A	B	C	KĐG
32	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin	3C	x				
33	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E		x			
34	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3B	x				
35	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E	x				
36	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3B	x				
37	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E	x				
38	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E	x				
39	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E		x			
40	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E	x				
41	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E	x				
42	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3E	x				
43	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3B	x				
44	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3B	x				
45	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3B	x				
46	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3D	x				
47	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	3B	x				
48	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng	3B	x				
49	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	3E	x				
50	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng	3E	x				
51	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x			
52	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
53	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
54	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
55	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x			
56	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x			
57	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	3B	x				
58	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x			
59	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
60	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản	3D		x			
61	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
62	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
63	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
64	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản	3D	x				
65	Nguyễn Trường Thanh	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
66	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	3D	x				
67	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	3D	x				
68	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Nhóm	Mức đánh giá, xếp loại				
				A+	A	B	C	KĐG
69	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x				
70	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	3E	x				
71	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC	3D		x			
72	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	3E	x				
73	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC	3E	x				
74	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x				
75	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	3E		x			
76	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC	3E	x				
77	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC	3E			x		
78	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x				
79	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x				
80	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x				
81	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	3B	x				
82	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
83	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
84	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
85	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
86	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD	3D	x				
87	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
88	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
89	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
90	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
91	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x				
92	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa Kinh tế - QTKD	3B	x				
93	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	3B	x				
94	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	3B	x				
95	Nguyễn Thi Phương	Khoa Lý luận chính trị	3E			x		
96	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị	3E	x				
97	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	3E	x				
98	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ	3E	x				
99	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ	3E	x				
100	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ	3E	x				
101	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	3D	x				
102	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ	3B		x			
103	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ	3E	x				
104	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ	3E	x				
105	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ	3E	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Nhóm	Mức đánh giá, xếp loại				
				A+	A	B	C	KĐG
106	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ	3E	x				
107	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ	3E	x				
108	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ	3D	x				
109	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường	3B	x				
110	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường	3E	x				
111	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường	3E	x				
112	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường	3E		x			
113	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường	3E	x				
114	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường	3E		x			
115	Bùi Ngọc Quý	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
116	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
117	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E		x			
118	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
119	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
120	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
121	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3B	x				
122	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
123	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3B	x				
124	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
125	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
126	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3B	x				
127	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E		x			
128	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E		x			
129	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
130	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
131	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
132	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3E	x				
133	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	3C	x				
134	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	3E	x				
135	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	3E	x				
136	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	3E	x				
137	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng	3B	x				
138	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng	3E		x			
139	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	3B	x				
140	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	3E	x				
141	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng	3E	x				
142	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng	3E	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Nhóm	Mức đánh giá, xếp loại				
				A+	A	B	C	KĐG
143	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất	3C		x			
144	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp	3C	x				
145	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính	3C	x				
146	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính	3C	x				
147	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC và DN	3C		x			
148	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm y tế	3C	x				
149	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện	3C	x				
150	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện	3C	x				
151	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể	3C	x				
152	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	3C	x				
153	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng TCCB	2	x				
Tổng				**133**	**18**	**2**		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 135/NQ-HĐT ngày 26 tháng 9 năm 2023)

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa**				
1	**Khoa Cơ - Điện**	x			
2	Bộ môn Điện khí hóa	x			
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	x			
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	x			
5	Bộ môn Máy và Thiết bị công nghiệp	x			
6	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí	x			
7	Xưởng Cơ - Điện	x			
8	**Khoa Công nghệ thông tin**	x			
9	Bộ môn Tin học Kinh tế	x			
10	Bộ môn Khoa học máy tính	x			
11	Bộ môn Mạng máy tính	x			
12	Bộ môn Tin học Địa chất		x		
13	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức	x			
14	Bộ môn Tin học Trắc địa	x			
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm	x			
16	Phòng TN Địa - Tin học	x			
17	**Khoa Dầu khí và năng lượng**	x			
18	Bộ môn Địa chất dầu			x	
19	Bộ môn Địa vật lý		x		
20	Bộ môn Khoan - Khai thác	x			
21	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	x			
22	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình	x			
23	**Khoa Giáo dục quốc phòng**	x			
24	Bộ môn Đường lối quân sự	x			
25	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	x			
26	**Khoa Khoa học cơ bản**		x		
27	Bộ môn Cơ lý thuyết	x			
28	Bộ môn Giáo dục thể chất	x			
29	Bộ môn Hình họa			x	
30	Bộ môn Hóa			x	
31	Bộ môn Ngoại ngữ		x		
32	Bộ môn Toán	x			
33	Bộ môn Vật lý	x			
34	**Khoa Khoa học và KTĐC**		x		
35	Bộ môn Địa chất	x			
36	Bộ môn Địa chất công trình	x			

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
37	Bộ môn Địa chất Thủy văn			x	
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa		x		
39	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	x			
40	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
41	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	x			
42	Bộ môn QTDN Mỏ	x			
43	Bộ môn Kinh tế cơ sở	x			
44	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	x			
45	**Khoa Lý luận chính trị**	x			
46	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN	x			
47	Bộ môn Triết học và Pháp luật	x			
48	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH	x			
49	**Khoa Mỏ**			x	
50	Bộ môn Khai thác hầm lò			x	
51	Bộ môn Khai thác lộ thiên	x			
52	Bộ môn Sức bền vật liệu	x			
53	Bộ môn Tuyển khoáng	x			
54	**Khoa Môi trường**			x	
55	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT			x	
56	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	x			
57	Bộ môn QLTN và môi trường			x	
58	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**	x			
59	Bộ môn Bản đồ			x	
60	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	x			
61	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	x			
62	Bộ môn Trắc địa Công trình	x			
63	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
64	Bộ môn Địa chính	x			
65	Bộ môn Trắc địa Phổ thông		x		
66	Tổ máy Trắc địa	x			
67	**Khoa Xây dựng**	x			
68	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
69	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
70	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	x			
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác chính trị - SV	x			
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo Đại học	x			
4	Phòng Đạo tạo sau đại học	x			
5	Phòng ĐBCLGD		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x			
7	Phòng Hợp tác quốc tế	x			
8	Phòng KHCN	x			

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
9	Phòng Kế hoạch Tài chính	x			
10	Phòng Quan hệ CC và DN		x		
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x			
12	Phòng Xuất bản			x	
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x		
14	VP Đảng - Đoàn thể	x			
15	Trạm y tế	x			
16	Trung tâm dịch vụ		x		
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x			
18	Trung tâm PTTN CN cao	x			
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x			
20	Ban quản lý các dự án	x			
21	Văn phòng Đại diện		x		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1326 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 sửa đổi,;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 30/8/2023 của Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2022 - 2023 và cuộc họp ngày 12/9/2023 của Thường trực Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022 - 2023 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁ NHÂN NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1326/QĐ-MĐC ngày 18 tháng 9 năm 2023)

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	x				
5	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	x				
6	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
7	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	x				
8	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	x				
9	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
10	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
11	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện	x				
12	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện	x				
13	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện	x				
14	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
16	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
19	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
21	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện			x		
22	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x		
23	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện			x		
24	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện			x		
25	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
26	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
27	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
28	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
33	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện			x		
34	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện					x
35	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
36	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
37	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
38	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
39	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin	x				
40	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
41	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
42	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin			x		

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
43	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin		x			
46	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin					x
47	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
48	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
49	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
51	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
52	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
53	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
54	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
55	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
56	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
57	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
59	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
60	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin	x				
61	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
62	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
63	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
64	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
65	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
66	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
67	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
69	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
70	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin			x		
71	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
72	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin					x
73	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin	x				
74	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
76	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
78	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
79	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
80	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
81	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
82	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
83	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
84	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
85	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
86	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
87	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
88	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
89	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
90	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
91	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
92	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
93	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
94	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
95	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
96	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
97	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
98	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
99	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
100	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
101	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
102	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
103	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
104	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
105	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
106	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
107	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
108	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
109	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
110	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
111	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
112	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
113	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
114	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
115	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
116	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
117	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
118	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
119	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
120	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
121	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
122	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
123	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
124	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
125	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
126	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản			x		
127	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
128	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
129	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
130	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
131	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
132	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản	x				
133	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
134	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
135	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản			x		
136	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
137	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
138	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
139	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
140	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
141	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
142	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
143	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
144	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
145	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
146	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
147	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
148	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
149	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
150	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
151	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản		x			
152	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
153	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
154	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x		
155	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
156	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
157	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
158	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
159	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
161	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản	x				
162	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
163	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
164	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
165	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
166	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
167	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
168	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
169	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
170	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
171	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
172	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
173	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
174	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
175	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
176	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
177	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
178	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
179	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
180	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản			x		
181	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
182	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
183	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
184	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
185	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
186	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
187	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
188	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
189	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
190	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
191	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
192	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
193	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
194	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
195	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
196	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
197	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
198	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
199	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
200	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
201	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
202	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
203	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
204	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
205	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
206	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
207	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
208	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
209	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
210	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
211	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
212	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
213	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
214	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
215	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
216	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
217	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
218	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
219	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
220	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
221	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
222	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x
223	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x
224	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x
225	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
226	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
227	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
228	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x
229	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
230	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC					x
231	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC					x
232	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
233	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
234	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
235	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
236	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
237	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
238	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
239	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
240	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
241	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
242	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
243	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
244	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
245	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
246	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
250	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
251	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
252	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
254	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
255	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
256	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
257	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
258	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
261	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
267	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
268	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
269	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
270	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
271	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
272	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
273	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
274	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị		x			
275	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
276	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị		x			
277	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
278	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
279	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
280	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
281	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
282	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
283	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
284	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x			
285	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ			x		
286	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ			x		
287	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
288	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ				x	
289	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ		x			
290	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ				x	
291	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
292	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
293	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
294	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ		x			
295	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
296	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
297	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
298	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
299	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ	x				
300	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
301	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ	x				
302	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
303	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ		x			
304	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ	x				
305	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
306	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ	x				
307	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
308	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ	x				
309	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ	x				
310	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
311	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ		x			
312	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ					x
313	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
314	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
315	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
316	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
317	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x		
318	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
319	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
320	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường			x		
321	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
322	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường			x		
323	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
324	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường			x		
325	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
326	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường	x				
327	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường		x			
328	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x			
329	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
330	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
331	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				
332	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
333	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
334	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường	x				
335	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
336	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	x				
337	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
338	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
339	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
340	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường					x
341	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
342	Pham Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
343	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
344	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
345	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
346	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
347	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
348	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
349	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
350	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
351	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
352	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
353	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
354	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
355	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
356	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
357	Trần Thuỳ Linh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
358	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
359	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
360	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
361	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
362	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
363	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
364	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
365	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
366	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
367	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
368	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
369	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
370	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
371	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
372	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
373	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
374	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
375	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
376	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
377	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
378	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
379	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
380	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
381	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
382	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
383	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
384	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
385	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
386	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
387	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
388	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
389	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
390	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
391	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
392	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
393	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
394	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
395	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
396	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
397	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
398	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng	x				
399	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
400	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng			x		
401	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
402	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
403	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
404	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
405	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
406	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
407	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng			x		
408	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x				
409	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng	x				
410	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng	x				
411	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng		x			
412	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng	x				
413	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
414	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng		x			
415	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
416	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
417	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
418	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
419	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
420	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
421	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất		x			
422	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
423	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
424	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
425	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
426	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
427	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
428	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
429	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
430	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
431	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
432	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất	x				
433	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất		x			
434	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
435	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất					x
436	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
437	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
438	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
439	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
440	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
441	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
442	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
443	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	x				
444	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học	x				
445	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học		x			
446	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học		x			
447	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học		x			
448	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học	x				
449	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học	x				
450	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	x				
451	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học	x				
452	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học	x				
453	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học	x				
454	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đạo tạo sau đại học		x			
455	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
456	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
457	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
458	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD	x				
459	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD	x				
460	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD		x			
461	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
462	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
463	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
464	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
465	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
466	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
467	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
468	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
469	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
470	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
471	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
472	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
473	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
474	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
475	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
476	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
477	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
478	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
479	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp					x
480	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
481	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
482	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
483	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
484	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
485	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
486	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
487	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
488	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
489	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
490	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
491	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
492	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
493	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KHCN	x				
494	Trần Thị Hải Vân	Phòng KHCN		x			
495	Hoàng Thu Hằng	Phòng KHCN	x				
496	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN	x				
497	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
498	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
499	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
500	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
501	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
502	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
503	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
504	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
505	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	x				
506	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x			
507	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản				x	
508	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế	x				
509	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế		x			
510	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế	x				
511	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm dịch vụ			x		
512	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm dịch vụ		x			
513	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm dịch vụ		x			
514	Vũ Thế Hùng	Trung tâm dịch vụ	x				
515	Hà Tú Hương	Trung tâm dịch vụ		x			
516	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ	x				
517	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ	x				
518	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm dịch vụ		x			
519	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ		x			
520	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm dịch vụ	x				
521	Phan Thanh Chương	Trung tâm dịch vụ		x			
522	Trần Thị Dược	Trung tâm dịch vụ	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
523	Phạm Thị Quy	Trung tâm dịch vụ		x			
524	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm dịch vụ		x			
525	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm dịch vụ	x				
526	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ	x				
527	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm dịch vụ	x				
528	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm dịch vụ	x				
529	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
530	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
531	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
532	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao	x				
533	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
534	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
535	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
536	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
537	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
538	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
539	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
540	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
541	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
542	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
543	Trần văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
544	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
545	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
546	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
547	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
548	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến					x
549	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
550	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
551	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể		x			
552	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể	x				
553	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể	x				
554	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án	x				
555	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án		x			
556	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án	x				
557	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	x				
TỔNG			**288**	**117**	**94**	**4**	**54**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 126 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, viên chức là thành viên HĐT và tập thể năm học 2023 - 2024

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 76/TTr-MĐC ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng về việc xem xét quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2023 - 2024;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 12/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, viên chức là thành viên HĐT và tập thể năm học 2023 - 2024 gồm các cá nhân và tập thể có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS.TS Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ VIÊN CHỨC LÀ THÀNH VIÊN HĐT NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 126 /NQ-HĐT ngày 19 tháng 11 năm 2024)

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện		x			
5	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện		x			
6	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
7	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
8	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện		x			
9	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện		x			
10	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện		x			
11	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện		x			
12	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện		x			
13	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện		x			
16	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
19	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
20	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	x				
21	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
22	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
23	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin		x			
24	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin		x			
25	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
26	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
27	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
28	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
29	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin		x			
30	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
31	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
32	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
33	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	x				
34	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
35	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
36	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
37	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
38	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
39	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
40	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
41	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
42	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
43	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
44	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
45	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
46	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
47	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
48	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
49	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
50	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
51	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
52	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
53	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
54	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
55	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
56	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
57	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
58	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
59	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
60	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản			x		
61	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
62	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
63	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
64	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			
65	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
66	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản		x			
67	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
68	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
69	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	x				
70	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
71	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
72	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
73	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
74	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
75	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
76	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
77	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
78	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
79	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
80	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
81	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
82	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
83	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
84	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
85	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
86	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
87	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
88	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa KT-QTKD	x				
89	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa KT-QTKD		x			
90	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa KT-QTKD		x			
91	Trần Anh Dũng	Khoa KT-QTKD		x			
92	Phí Mạnh Cường	Khoa KT-QTKD	x				
93	Vũ Diệp Anh	Khoa KT-QTKD		x			
94	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa KT-QTKD	x				
95	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa KT-QTKD	x				
96	Lê Minh Thống	Khoa KT-QTKD	x				
97	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa KT-QTKD		x			
98	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa KT-QTKD	x				
99	Đồng Thị Bích	Khoa KT-QTKD	x				
100	Đào Anh Tuấn	Khoa KT-QTKD		x			
101	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị		x			
102	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
103	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị		x			
104	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x				
105	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
106	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ		x			
107	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ		x			
108	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ		x			
109	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ		x			
110	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ		x			
111	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ		x			
112	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ		x			
113	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ		x			
114	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ		x			
115	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ			x		
116	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường		x			
117	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường		x			
118	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường		x			
119	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường			x		
120	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x			
121	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường		x			
122	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x			
123	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
124	Trần Trung Anh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
125	Nguyễn Văn Trung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
126	Trần Hồng Hạnh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
127	Nguyễn Gia Trọng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
128	Phạm Ngọc Quang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
129	Nguyễn Việt Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
130	Lê Đức Tình	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
131	Phạm Quốc Khánh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
132	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
133	Nguyễn Quốc Long	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
134	Phạm Văn Chung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
135	Dương Thành Trung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
136	Lưu Anh Tuấn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
137	Hoàng Thị Thủy	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
138	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
139	Phạm Thế Huynh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
140	Đinh Hải Nam	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
141	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
142	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
143	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x				
144	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng		x			
145	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x				
146	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng		x			
147	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng		x			
148	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	x				
149	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng	x				
150	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng		x			
151	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	x				
152	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
153	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
154	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
155	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
156	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
157	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm y tế		x			
158	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
159	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
160	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng TCCB	x				
161	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể	x				
Tổng			**41**	**111**	**9**	**0**	**0**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 1126 /NQ-HĐT ngày 19 tháng 11 năm 2024)

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa, Bộ môn**				
1	**Khoa Cơ - Điện**		x		
2	Bộ môn Điện khí hóa	x			
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		x		
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử		x		
5	Bộ môn Máy và Thiết bị công nghiệp		x		
6	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí		x		
7	Xưởng Cơ - Điện		x		
8	**Khoa Công nghệ thông tin**	x			
9	Bộ môn Tin học Kinh tế		x		
10	Bộ môn Khoa học máy tính		x		
11	Bộ môn Mạng máy tính		x		
12	Bộ môn Tin học Địa chất			x	
13	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức		x		
14	Bộ môn Tin học Trắc địa		x		
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm		x		
16	Phòng TN Địa - Tin học		x		
17	**Khoa Dầu khí và năng lượng**		x		
18	Bộ môn Địa chất dầu			x	
19	Bộ môn Địa vật lý		x		
20	Bộ môn Khoan - Khai thác		x		
21	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	x			
22	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình		x		
23	**Khoa Giáo dục quốc phòng**		x		
24	Bộ môn Đường lối quân sự		x		
25	Bộ môn Kỹ thuật quân sự		x		
26	**Khoa Khoa học cơ bản**		x		
27	Bộ môn Cơ lý thuyết		x		
28	Bộ môn Giáo dục thể chất		x		
29	Bộ môn Hình họa			x	
30	Bộ môn Hóa			x	
31	Bộ môn Ngoại ngữ			x	
32	Bộ môn Toán	x			

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
33	Bộ môn Vật lý		x		
34	**Khoa Khoa học và KTĐC**		x		
35	Bộ môn Địa chất		x		
36	Bộ môn Địa chất công trình		x		
37	Bộ môn Địa chất Thủy văn			x	
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa		x		
39	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò		x		
40	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
41	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	x			
42	Bộ môn QTDN Mỏ	x			
43	Bộ môn Kinh tế cơ sở		x		
44	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	x			
45	**Khoa Lý luận chính trị**		x		
46	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN		x		
47	Bộ môn Triết học và Pháp luật		x		
48	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH		x		
49	**Khoa Mỏ**		x		
50	Bộ môn Khai thác hầm lò		x		
51	Bộ môn Khai thác lộ thiên		x		
52	Bộ môn Sức bền vật liệu		x		
53	Bộ môn Tuyển khoáng		x		
54	**Khoa Môi trường**		x		
55	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT		x		
56	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường		x		
57	Bộ môn QLTN và môi trường		x		
58	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**	x			
59	Bộ môn Bản đồ			x	
60	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	x			
61	Bộ môn Trắc địa Cao cấp		x		
62	Bộ môn Trắc địa Công trình		x		
63	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
64	Bộ môn Địa chính		x		
65	Bộ môn Trắc địa Phổ thông		x		
66	Tổ máy Trắc địa		x		
67	**Khoa Xây dựng**	x			
68	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
69	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
70	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	x			
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác chính trị - SV		x		

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo Đại học		x		
4	Phòng Đạo tạo sau đại học		x		
5	Phòng ĐBCLGD		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x		
7	Phòng Hợp tác quốc tế		x		
8	Phòng KHCN	x			
9	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
10	Phòng Quan hệ CC và DN		x		
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x		
12	Phòng Xuất bản			x	
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x		
14	VP Đảng - Đoàn thể		x		
15	Trạm y tế		x		
16	Trung tâm dịch vụ		x		
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x		
18	Trung tâm PTTN CN cao		x		
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x		
20	Ban quản lý các dự án	x			
21	Văn phòng Đại diện		x		
	Tổng	**17**	**65**	**8**	**0**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 568 /MĐC-TCCB
V/v thông báo kết quả đánh giá, xếp loại năm học 2023- 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW ngày 10/11/2023 của Ban tổ chức Trung ương một số nội dung về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Công văn số 341/MĐC-TCCB ngày 10/7/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về Kế hoạch đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm học 2023 - 2024.

Căn cứ Kết luận cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ngày 10/10/2024.

Nhà trường thông báo kết luận cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng năm học 2023 - 2024 như sau:

1. Hội đồng thông qua kết quả xếp loại KPIs_QL của Trưởng Khoa, kết quả xếp loại Phòng, Khoa, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm và tương đương và một số nguyên tắc như:

1.1. Trường hợp viên chức bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính do vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình thì kết quả xếp loại không tính vào xếp loại của tập thể.

1.2. Trường hợp viên chức đã làm đơn xin tinh giản biên chế và nhận quyết định nghỉ hưu trong khoảng thời gian từ 01/8/2023 đến nay mà có kết quả xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ thì kết quả xếp loại không tính vào xếp loại tập thể.

1.3. Trường hợp viên chức đã làm đơn xin chuyển công tác hoặc đơn xin chấm dứt hợp đồng làm việc từ 01/8/2023 đến nay mà có kết quả xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ thì kết quả xếp loại không tính vào xếp loại tập thể.

1.4. Điều chỉnh tỷ lệ % hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) của nhóm 2

a) Theo xếp loại phòng, ban, văn phòng, trung tâm, trạm:

+ Đơn vị được Hội đồng đề xuất ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) thì tỷ lệ % hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) của nhóm 2A tối đa 20%.

+ Đơn vị được Hội đồng đề xuất ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (A) thì tỷ lệ % hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) của nhóm 2A tối đa 15%

b) Theo kết quả KPIs_QL của Trưởng Khoa:

+ Cá nhân được Hội đồng đề xuất KPIs_QL ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) thì tỷ lệ % hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) của nhóm 2B và 2C tối đa 20%.

+ Cá nhân được Hội đồng đề xuất KPIs_QL ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (A+) thì tỷ lệ % hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A) của nhóm 2B và 2C tối đa 15%

1.5. Điểm đánh giá xác định theo quy định của Nhà trường được làm tròn đến 0,5.

1.6. Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích.

1.7. Trường hợp viên chức nghỉ chế độ hoặc chuyển ngạch trợ giảng điều chỉnh mức xếp loại chỉ được tăng tối đa 01 mức so với xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được.

1.8. Hội đồng cho ý kiến về một số đơn kiến nghị điều chỉnh mức xếp loại, ***đối với xếp loại chất lượng tập thể sẽ cho ý kiến trong cuộc họp tiếp theo*** …

2. Điểm đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức giảng dạy (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 01*)

TT	Mức xếp loại	Điểm đánh giá theo từng nhóm						
		1	3B (Trưởng Khoa)	3B (Trưởng Phòng, Ban ...)	3D (Phó phòng, ban …)	3E (Phó trưởng Khoa)	3E (TBM và tương đương)	3E (PTBM và tương đương)
1	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+)	≥ 115	≥ 122	≥ 114	≥ 111	≥ 122	≥ 119,5	≥ 115
2	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (A)	điểm đánh giá từ 100 điểm trở lên và thấp hơn mức điểm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ						

TT	Mức xếp loại	Điểm đánh giá theo từng nhóm						
		1	3B (Trưởng Khoa)	3B (Trưởng Phòng, Ban ...)	3D (Phó phòng, ban …)	3E (Phó trưởng Khoa)	3E (TBM và tương đương)	3E (PTBM và tương đương)
3	Hoàn thành nhiệm vụ (B)	điểm đánh giá từ 80 điểm đến nhỏ hơn 100 điểm						
4	Không hoàn thành nhiệm vụ (C)	điểm đánh giá nhỏ hơn 80 điểm						

- Viên chức giảng dạy đạt mức A+ bảo đảm tỷ lệ % hoàn thành giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học tối thiểu 100%.

3. Đối với nhân viên hành chính Nhóm 3C, Nhóm 3E (TBM, PBM chức danh chuyên viên) và Nhóm 2

a) Đối với Nhóm 3C, Nhóm 3E (TBM, PBM chức danh chuyên viên) (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 01*)

b) Đối với nhóm 2

- Các cá nhân thuộc nhóm 2 vi phạm quy định chấm công, thực hiện trừ 2,75 điểm cho mỗi 01 lần vi phạm.

- Hội đồng thông qua số lượng viên chức xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) đối với Khoa, Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm và tương đương

Chú ý: đối với Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm nếu Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng cho ý kiến ở mức hoàn thành nhiệm vụ (B) thì xếp loại nhóm 2 chỉ có 30% từ A trở lên.

4. Thống kê xếp loại chất lượng cá nhân tại các đơn vị: xem Phụ lục số 02

5. Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng và các Phó chủ tịch Hội đồng giải quyết các kiến nghị, phản ánh về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2023 - 2024.

Các ý kiến phản hồi về kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân và tập thể năm học 2023 - 2024 (nếu có) gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ trước **17h00 ngày 16/10/2024** (đ/c Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Nơi nhận:
- Các đơn vị (để t/hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁ NHÂN NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Công văn số: 568/MĐC-TCCB ngày 11 tháng 10 năm 2024)

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x					
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện			x			
3	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x				
4	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	x					
5	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x					
6	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x					
7	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện		x				
8	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x			
9	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện		x				
10	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x				
11	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện		x				
12	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x				
13	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x				
14	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện		x				
15	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x				
16	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện		x				
17	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x					
18	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x				
19	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện		x				
20	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện		x				
21	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện		x				
22	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện		x				
23	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x				
24	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện		x				
25	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện		x				
26	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện		x				
27	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x			
28	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x				
29	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x					
30	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện	x					
31	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện		x				
32	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện		x				
33	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện		x				
34	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện		x				
35	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x	
36	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện					x	
37	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện		x				
38	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x					
39	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện			x			
40	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện		x				
41	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện		x				
42	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện				x		
43	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện		x				
44	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện		x				
45	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện		x				
46	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x	
47	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x	
48	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x					
49	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
50	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện		x				
51	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện		x				
52	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x				
53	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện		x				
54	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin		x				
55	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin		x				
56	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin					x	
57	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x				
58	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin			x			
59	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin		x				
60	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	x					
61	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin		x				
62	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x				
63	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x	
64	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin		x				
65	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin		x				
66	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin		x				
67	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x				
68	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin		x				
69	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin		x				
70	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin		x				
71	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin			x			
72	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin			x			
73	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x			
74	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x				
75	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin		x				
76	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x				
77	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x	
78	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x	
79	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin		x				
80	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x					
81	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x					
82	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x				
83	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x				
84	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin		x				
85	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x				
86	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin		x				
87	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x				
88	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x				
89	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x				
90	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin		x				
91	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin		x				
92	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin		x				
93	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x					
94	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin		x				
95	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin		x				
96	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin	x					
97	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x				
98	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x				
99	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin		x				
100	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x				
101	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin		x				
102	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x				
103	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin		x				
104	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin		x				
105	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
106	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin		x				
107	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x					
108	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	x					
109	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	x					
110	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin		x				
111	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x				
112	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin		x				
113	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
114	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
115	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
116	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
117	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x					
118	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x					
119	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
120	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
121	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
122	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
123	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
124	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
125	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
126	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
127	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
128	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
129	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
130	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
131	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
132	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
133	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
134	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
135	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
136	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
137	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
138	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
139	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
140	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
141	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x					
142	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
143	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
144	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
145	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
146	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
147	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
148	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
149	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
150	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
151	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
152	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
153	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
154	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
155	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x					
156	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
157	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
158	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x				
159	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
160	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
161	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
162	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x			
163	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
164	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
165	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x	
166	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
167	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
168	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
169	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x					
170	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
171	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
172	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x					
173	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
174	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
175	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x				
176	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản			x			
177	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản		x				
178	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản		x				
179	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x				
180	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x				
181	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x				
182	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản		x				
183	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x				
184	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x			
185	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x				
186	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản		x				
187	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x				
188	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x				
189	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x				
190	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x			
191	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x				
192	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x			
193	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x				
194	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản			x			
195	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x			
196	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x					
197	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x			
198	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x			
199	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x			
200	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x			
201	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x			
202	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x			
203	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x			
204	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x			
205	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x			
206	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản		x				
207	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x			
208	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản		x				
209	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản			x			
210	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x				
211	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản		x				
212	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x			
213	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x			
214	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x			
215	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x			
216	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x			
217	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x			

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
218	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x			
219	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản		x				
220	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x			
221	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x				
222	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x				
223	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x			
224	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản		x				
225	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản		x				
226	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x				
227	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x				
228	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x				
229	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x				
230	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x					
231	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản		x				
232	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x			
233	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản		x				
234	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x				
235	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	x					
236	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x					
237	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x					
238	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x				
239	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x				
240	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x				
241	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản			x			
242	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x					
243	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x					
244	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản		x				
245	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x				
246	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản			x			
247	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản		x				
248	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản			x			
249	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x				
250	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x				
251	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x				
252	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
253	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
254	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x					
255	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
256	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
257	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
258	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
259	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
260	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
261	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
262	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
263	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
264	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
265	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
266	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
267	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
268	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
269	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
270	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
271	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	x					
272	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
273	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
274	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
275	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
276	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
277	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
278	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
279	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
280	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
281	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
282	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
283	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
284	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
285	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
286	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
287	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
288	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
289	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
290	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
291	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
292	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
293	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
294	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
295	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x					
296	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
297	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
298	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
299	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
300	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
301	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
302	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
303	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
304	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x			
305	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
306	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
307	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
308	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
309	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
310	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x	
311	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
312	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC		x				
313	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa KT - QTKD					x	
314	Phạm Minh Hải	Khoa KT - QTKD			x			
315	Phạm Thị Châu Giang	Khoa KT-QTKD	x					
316	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa KT-QTKD		x				
317	Trần Thị Khánh Vân	Khoa KT-QTKD			x			
318	Lưu Thị Thu Hà	Khoa KT-QTKD	x					
319	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa KT-QTKD	x					
320	Phí Thị Kim Thư	Khoa KT-QTKD		x				
321	Phạm Thu Hương	Khoa KT-QTKD	x					
322	Dương Thị Nhàn	Khoa KT-QTKD		x				
323	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa KT-QTKD	x					
324	Lê Thị Thu Hồng	Khoa KT-QTKD		x				
325	Hoàng Thị Thủy	Khoa KT-QTKD	x					
326	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa KT-QTKD		x				
327	Phan Minh Quang	Khoa KT-QTKD	x					
328	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa KT-QTKD		x				
329	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa KT-QTKD		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
330	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa KT-QTKD	x					
331	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa KT-QTKD		x				
332	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa KT-QTKD		x				
333	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa KT-QTKD		x				
334	Phạm Thu Trang	Khoa KT-QTKD		x				
335	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa KT-QTKD		x				
336	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa KT-QTKD		x				
337	Trần Anh Dũng	Khoa KT-QTKD		x				
338	Phí Mạnh Cường	Khoa KT-QTKD	x					
339	Vũ Diệp Anh	Khoa KT-QTKD		x				
340	Đỗ Hữu Tùng	Khoa KT-QTKD		x				
341	Trần Văn Hiệp	Khoa KT-QTKD	x					
342	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa KT-QTKD	x					
343	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa KT-QTKD	x					
344	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa KT-QTKD	x					
345	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa KT-QTKD	x					
346	Lê Minh Thống	Khoa KT-QTKD	x					
347	Nguyễn Thu Hà	Khoa KT-QTKD		x				
348	Lê Thị Thu Hường	Khoa KT-QTKD		x				
349	Nguyễn Đức Thắng	Khoa KT-QTKD		x				
350	Phan Thị Thùy Linh	Khoa KT-QTKD		x				
351	Nguyễn Thị Hường	Khoa KT-QTKD		x				
352	Lê Đình Chiều	Khoa KT-QTKD	x					
353	Phạm Kiên Trung	Khoa KT-QTKD	x					
354	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa KT-QTKD		x				
355	Lê Văn Chiến	Khoa KT-QTKD	x					
356	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa KT-QTKD		x				
357	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa KT-QTKD	x					
358	Đồng Thị Bích	Khoa KT-QTKD	x					
359	Đào Anh Tuấn	Khoa KT-QTKD		x				
360	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị		x				
361	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị		x				
362	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị		x				
363	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị		x				
364	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị		x				
365	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x				
366	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị		x				
367	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị			x			
368	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị		x				
369	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị		x				
370	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị		x				
371	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị		x				
372	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị		x				
373	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị		x				
374	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x					
375	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x			
376	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x				
377	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ			x			
378	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ		x				
379	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x				
380	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ			x			
381	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ		x				
382	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x					
383	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x				
384	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x					
385	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
386	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ		x				
387	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ		x				
388	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ		x				
389	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ			x			
390	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ			x			
391	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x				
392	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ		x				
393	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ		x				
394	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ		x				
395	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x					
396	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ		x				
397	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ		x				
398	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ		x				
399	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ					x	
400	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ		x				
401	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ		x				
402	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ		x				
403	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ		x				
404	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x	
405	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x				
406	Trần Văn Được	Khoa Mỏ		x				
407	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ		x				
408	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x				
409	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ	x					
410	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ		x				
411	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ		x				
412	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ		x				
413	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ			x			
414	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x	
415	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x	
416	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x					
417	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ		x				
418	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x			
419	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x			
420	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x					
421	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x			
422	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường		x				
423	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x			
424	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường		x				
425	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x					
426	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường		x				
427	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường		x				
428	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x	
429	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường			x			
430	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x				
431	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường		x				
432	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường		x				
433	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường		x				
434	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x				
435	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường		x				
436	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường			x			
437	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x				
438	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x					
439	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x		
440	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x				
441	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường	x					

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
442	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x				
443	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường		x				
444	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x				
445	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x	
446	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x	
447	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường					x	
448	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường		x				
449	Dương Anh Quân	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x			
450	Pham Văn Hiệp	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x			
451	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x			
452	Nguyễn Danh Đức	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
453	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
454	Trần Vân Anh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
455	Trần Thanh Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
456	Lê Thanh Nghị	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
457	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
458	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
459	Trần Trung Anh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
460	Nguyễn Văn Trung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
461	Trần Hồng Hạnh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
462	Nguyễn Văn Sáng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
463	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
464	Nguyễn Gia Trọng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
465	Phạm Ngọc Quang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
466	Nguyễn Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
467	Phạm Trung Dũng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
468	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
469	Trần Thuỳ Linh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x			
470	Nguyễn Việt Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
471	Lê Đức Tình	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
472	Phạm Quốc Khánh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
473	Phạm Công Khải	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
474	Lê Thị Thu Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
475	Võ Ngọc Dũng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
476	Phạm Thị Làn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
477	Lê Văn Cảnh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
478	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
479	Nguyễn Quốc Long	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
480	Phạm Văn Chung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
481	Hoàng Ngọc Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
482	Nguyễn Quang Minh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
483	Lê Ngọc Giang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x			
484	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
485	Hoàng Anh Tuấn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x			
486	Dương Thành Trung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
487	Lưu Anh Tuấn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
488	Hoàng Thị Thủy	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
489	Nguyễn Thị Dung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
490	Trần Đình Thành	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
491	Nguyễn Thế Công	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
492	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
493	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
494	Trần Xuân Miễn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
495	Phùng Minh Sơn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x			
496	Trần Thùy Dương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
497	Nguyễn Thị Hiền	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
498	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
499	Phạm Thế Huynh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
500	Đinh Hải Nam	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
501	Trần Anh Tuấn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
502	Trương Minh Hùng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
503	Nguyễn Thị Mến	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
504	Cù Thị Thu Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
505	Nguyễn Quang Thắng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
506	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
507	Tạ Thị Thu Hường	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x					
508	Trần Thị Hương Giang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
509	Lê Thu Trang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
510	Nguyễn Minh Hải	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
511	Nguyễn Bá Duy	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
512	Bùi Khắc Luyên	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
513	Nguyễn Thái Chinh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
514	Vũ Đình Toàn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
515	Kim Thị Thu Hương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
516	Nguyễn Văn Lâm	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x	
517	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x					
518	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng		x				
519	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x					
520	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng		x				
521	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	x					
522	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x					
523	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x	
524	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x	
525	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x	
526	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x	
527	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng		x				
528	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x					
529	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x					
530	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x					
531	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x					
532	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x					
533	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng		x				
534	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x					
535	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng		x				
536	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng		x				
537	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x					
538	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng			x			
539	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x					
540	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng		x				
541	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng		x				
542	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	x					
543	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng	x					
544	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng		x				
545	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng			x			
546	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x	
547	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x	
548	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng		x				
549	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng		x				
550	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	x					
551	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án	x					
552	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án		x				
553	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
554	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	x					
555	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x				
556	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x				
557	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x				
558	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất		x				
559	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất		x				
560	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất		x				
561	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất		x				
562	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất		x				
563	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất	x					
564	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất		x				
565	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x				
566	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất		x				
567	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		x				
568	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất		x				
569	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất	x					
570	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x			
571	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất		x				
572	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - SV		x				
573	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - SV		x				
574	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - SV		x				
575	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - SV		x				
576	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - SV	x					
577	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - SV		x				
578	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - SV		x				
579	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học		x				
580	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học		x				
581	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học		x				
582	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học		x				
583	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học		x				
584	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học	x					
585	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học		x				
586	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học		x				
587	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	x					
588	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học		x				
589	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học		x				
590	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đạo tạo sau đại học		x				
591	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đạo tạo sau đại học		x				
592	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đạo tạo sau đại học		x				
593	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đạo tạo sau đại học	x					
594	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD		x				
595	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD		x				
596	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD	x					
597	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
598	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
599	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
600	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
601	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
602	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
603	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
604	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
605	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
606	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
607	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
608	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
609	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
610	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
611	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
612	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
613	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
614	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
615	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
616	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
617	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
618	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x					
619	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x				
620	Đặng Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế			x			
621	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
622	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
623	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x					
624	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
625	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
626	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
627	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
628	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
629	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính	x					
630	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
631	Nguyễn Thị Thu	Phòng Kế hoạch Tài chính		x				
632	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học - Công nghệ		x				
633	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học - Công nghệ	x					
634	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học - Công nghệ	x					
635	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học - Công nghệ		x				
636	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC và DN		x				
637	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN		x				
638	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN		x				
639	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN	x					
640	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN		x				
641	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN		x				
642	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
643	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
644	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x					
645	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
646	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
647	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x				
648	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản			x			
649	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản			x			
650	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm y tế		x				
651	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế	x					
652	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế		x				
653	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế		x				
654	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x				
655	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x				
656	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x				
657	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x				
658	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x				
659	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ		x				
660	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x				
661	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x				
662	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x				
663	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x				
664	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x				
665	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x				

TT	Họ và tên	Khoa	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
			A+	A	B	C	KĐG	
666	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x				
667	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x				
668	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x					
669	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x					
670	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x					
671	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x				
672	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao		x				
673	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
674	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
675	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
676	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x					
677	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
678	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
679	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
680	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x					
681	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
682	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
683	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
684	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
685	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
686	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
687	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x				
688	Vũ Thu Hường	Văn phòng chương trình tiến tiến		x				
689	Phạm Quang Ba	Văn phòng chương trình tiến tiến		x				
690	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng chương trình tiến tiến					x	
691	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện		x				
692	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x			
693	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x					
694	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x				
695	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x				
696	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể	x					

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHỤ LỤC 2

THỐNG KÊ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁ NHÂN TẠI CÁC ĐƠN VỊ NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Công văn số: 568 /MĐC-TCCB ngày 11 tháng 10 năm 2024)

TT	Đơn vị	Mã đơn vị	Số lượng cá nhân theo các mức xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
A	**Khối Khoa, Bộ môn**						
1	**Khoa Cơ - Điện**	**Khoa**	**9**	**35**	**4**	**1**	**1**
2	Bộ môn Điện khí hóa	0901	4	2	1	0	0
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	0904	0	8	1	0	0
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	0903	1	9	0	0	0
5	Bộ môn Máy và Thiết bị công nghiệp	0905	2	5	1	0	0
6	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí	0902	1	6	1	1	1
7	Xưởng Cơ - Điện	1000	0	4	0	0	0
	Văn phòng Khoa Cơ - Điện	6631	1	1	0	0	0
8	**Khoa Công nghệ thông tin**	**Khoa**	**8**	**43**	**4**	**0**	**1**
9	Bộ môn Tin học Kinh tế	0806	1	6	0	0	0
10	Bộ môn Khoa học máy tính	0805	1	5	0	0	0
11	Bộ môn Mạng máy tính	0807	0	7	0	0	0
12	Bộ môn Tin học Địa chất	0804	0	3	3	0	0
13	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức	0802	0	7	0	0	0
14	Bộ môn Tin học Trắc địa	0803	3	7	0	0	0
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm	0801	1	6	1	0	1
16	Phòng TN Địa - Tin học	0808	1	1	0	0	0
	VP Khoa Công nghệ thông tin	6629	1	1	0	0	0
17	**Khoa Dầu khí và năng lượng**	**Khoa**	**4**	**28**	**11**	**0**	**0**
18	Bộ môn Địa chất dầu	0602	0	2	4	0	0
19	Bộ môn Địa vật lý	0601	1	3	1	0	0
20	Bộ môn Khoan - Khai thác	0604	2	7	4	0	0
21	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	0603	1	9	1	0	0
22	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình	0605	0	5	1	0	0
	VP khoa Dầu khí và năng lượng	6627	0	2	0	0	0
23	**Khoa Giáo dục quốc phòng**	**Khoa**	**2**	**8**	**0**	**0**	**0**
24	Bộ môn Đường lối quân sự	3001	1	3	0	0	0
25	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	3002	1	3	0	0	0
	VP khoa GDQP	6630	0	2	0	0	0
26	**Khoa Khoa học cơ bản**	**Khoa**	**7**	**39**	**30**	**0**	**0**
27	Bộ môn Cơ lý thuyết	0105	0	3	1	0	0
28	Bộ môn Giáo dục thể chất	0107	0	9	1	0	0
29	Bộ môn Hình họa	0104	0	2	3	0	0
30	Bộ môn Hóa	0103	1	3	12	0	0
31	Bộ môn Ngoại ngữ	0106	0	8	9	0	0
32	Bộ môn Toán	0101	4	7	1	0	0
33	Bộ môn Vật lý	0102	2	6	3	0	0
	VP Khoa khoa học Cơ bản	6622	0	1	0	0	0
34	**Khoa Khoa học và KTĐC**	**Khoa**	**4**	**36**	**11**	**0**	**1**
35	Bộ môn Địa chất	0401	1	6	1	0	0

TT	Đơn vị	Mã đơn vị	Số lượng cá nhân theo các mức xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
36	Bộ môn Địa chất công trình	0405	1	10	0	0	1
37	Bộ môn Địa chất Thủy văn	0406	0	2	5	0	0
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	0403	0	5	3	0	0
39	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	0402	1	11	2	0	0
	Văn phòng khoa KH và KTĐC	6625	1	1	0	0	0
	Bảo tàng địa chất	0410	0	1	0	0	0
40	**Khoa Kinh tế - QTKD**	**Khoa**	**20**	**24**	**1**	**0**	**0**
41	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	0703	6	2	0	0	0
42	Bộ môn QTDN Mỏ	0702	5	7	0	0	0
43	Bộ môn Kinh tế cơ sở	0701	1	6	0	0	0
44	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	0704	7	8	0	0	0
	VP khoa KT & QTKD	6628	1	1	1	0	0
45	**Khoa Lý luận chính trị**	**Khoa**	**1**	**13**	**1**	**0**	**0**
46	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN	0203	0	6	0	0	0
47	Bộ môn Triết học và Pháp luật	0201	0	4	1	0	0
48	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH	0202	1	3	0	0	0
	VP khoa Lý luận chính trị	6623	0	0	0	0	0
49	**Khoa Mỏ**	**Khoa**	**4**	**29**	**6**	**0**	**0**
50	Bộ môn Khai thác hầm lò	0302	2	9	3	0	0
51	Bộ môn Khai thác lộ thiên	0301	1	7	2	0	0
52	Bộ môn Sức bền vật liệu	0305	0	4	0	0	0
53	Bộ môn Tuyển khoáng	0304	1	7	1	0	0
	VP khoa Mỏ	6624	0	2	0	0	0
54	**Khoa Môi trường**	**Khoa**	**4**	**16**	**6**	**1**	**0**
55	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	0408	2	4	4	0	0
56	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	1103	0	7	2	0	0
57	Bộ môn QLTN và môi trường	1101	2	4	0	1	0
	VP Khoa Môi trường	6633	0	1	0	0	0
58	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**	**Khoa**	**15**	**37**	**7**	**0**	**0**
59	Bộ môn Bản đồ	0507	1	1	3	0	0
60	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	0503	2	6	0	0	0
61	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	0502	2	2	0	0	0
62	Bộ môn Trắc địa Công trình	0501	1	5	1	0	0
63	Bộ môn Trắc địa Mỏ	0505	5	3	0	0	0
64	Bộ môn Địa chính	0506	2	9	1	0	0
65	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	0504	1	7	2	0	0
66	Tổ máy Trắc địa	0509	0	4	0	0	0
	VP Khoa Trắc địa BĐ-QLĐĐ	6626	1	0	0	0	0
67	**Khoa Xây dựng**	**Khoa**	**14**	**11**	**1**	**0**	**0**
68	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	1002	4	2	0	0	0
69	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	1001	6	4	0	0	0
70	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	1003	4	3	1	0	0
	VP khoa Xây dựng	6632	0	2	0	0	0
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**						
1	Phòng Công tác chính trị - SV	6601	1	6	0	0	0
2	Phòng Cơ sở vật chất	6602	2	14	1	0	0
3	Phòng Đào tạo Đại học	6604	2	9	0	0	0
4	Phòng Đạo tạo sau đại học	6605	1	3	0	0	0
5	Phòng ĐBCLGD	6603	1	2	0	0	0

TT	Đơn vị	Mã đơn vị	Số lượng cá nhân theo các mức xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	6606	3	18	0	0	0
7	Phòng Hợp tác quốc tế	6607	1	1	1	0	0
8	Phòng KHCN	6609	2	2	0	0	0
9	Phòng Kế hoạch Tài chính	6608	2	9	0	0	0
10	Phòng Quan hệ CC và DN	6610	1	5	0	0	0
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	6611	1	4	0	0	0
12	Phòng Xuất bản	6612	0	1	2	0	0
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến	6619	0	2	0	0	0
14	VP Đảng - Đoàn thể	6620	2	2	0	0	0
15	Trạm y tế	6618	1	3	0	0	0
16	Trung tâm dịch vụ	6614	2	14	0	0	0
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	6615	1	1	0	0	0
18	Trung tâm PTTN CN cao	6616	0	1	0	0	0
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện	6617	2	13	0	0	0
20	Ban quản lý các dự án	6613	3	2	0	0	0
21	Văn phòng Đại diện	6621	0	1	1	0	0

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 104 /NQ-HĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, thành viên HĐT là viên chức của Trường và tập thể năm học 2024 - 2025

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-BGDĐT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 101/TTr-MĐC ngày 09/12/2025 của Hiệu trưởng về việc xem xét quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024 - 2025;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 10/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý, thành

viên Hội đồng trường là viên chức của Trường và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, thành viên HĐT là viên chức của Trường và tập thể năm học 2024 - 2025 gồm các cá nhân và tập thể có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS.TS Trần Xuân Trường

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG LÀ VIÊN CHỨC CỦA TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 104 /NQ-HĐT ngày 10 tháng 12 năm 2025)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
2	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin		x			
3	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
4	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
5	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
6	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
7	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin		x			
8	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
9	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
10	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
11	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin		x			
12	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin		x			
13	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
14	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x				
15	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x				
16	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
19	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
21	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện		x			
23	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện		x			
24	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện		x			
25	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện	x				
26	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện		x			
27	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
28	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện		x			
29	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện		x			
30	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
31	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
32	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
33	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
34	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
35	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
36	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
37	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
38	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
39	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
40	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
41	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
42	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
43	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
44	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
45	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
46	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
47	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
48	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
49	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
50	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
51	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
52	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
53	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
54	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
55	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
56	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
57	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
58	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
59	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
60	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
61	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
62	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
63	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
64	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
65	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
66	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			
67	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
68	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản		x			
69	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản		x			
70	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
71	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			
72	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
73	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản		x			
74	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
75	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
76	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
77	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
78	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
79	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
80	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
81	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
82	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
83	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
84	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
85	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
86	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
87	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
88	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
89	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
90	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
91	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x				
92	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị		x			
93	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
94	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị		x			
95	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ		x			
96	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ		x			
97	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ		x			
98	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x				
99	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ		x			
100	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ		x			
101	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ		x			
102	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ		x			
103	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ		x			
104	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ		x			
105	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ		x			
106	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ		x			
107	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường		x			
108	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường		x			
109	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường		x			
110	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường			x		
111	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x			
112	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường		x			
113	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x			
114	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
115	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
116	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
117	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
118	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
119	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
120	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
121	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
122	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
123	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
124	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
125	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
126	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
127	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
128	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
129	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
130	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
131	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
132	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
133	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
134	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng		x			
135	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x				
136	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	x				
137	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x				
138	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng		x			
139	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng		x			
140	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng		x			
141	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng		x			
142	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng		x			
143	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án		x			
144	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
145	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
146	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
147	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
148	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
149	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm y tế		x			
150	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
151	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
152	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể		x			
153	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng TCCB	x				

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 104/NQ-HĐT ngày 10 tháng 12 năm 2025)

TT	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa, Bộ môn**				
1	**Khoa Cơ - Điện**		x		
2	Bộ môn Điện khí hóa		x		
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		x		
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử		x		
5	Bộ môn Máy và Thiết bị công nghiệp	x			
6	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí		x		
7	Xưởng Cơ - Điện		x		
8	**Khoa Công nghệ thông tin**		x		
9	Bộ môn Tin học Kinh tế		x		
10	Bộ môn Khoa học máy tính		x		
11	Bộ môn Mạng máy tính		x		
12	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức		x		
13	Bộ môn Tin học Trắc địa		x		
14	Bộ môn Công nghệ phần mềm		x		
15	Phòng TN Địa - Tin học		x		
16	**Khoa Dầu khí và năng lượng**		x		
17	Bộ môn Địa chất dầu			x	
18	Bộ môn Địa vật lý		x		
19	Bộ môn Khoan - Khai thác		x		
20	Bộ môn Lọc - Hóa dầu		x		
21	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình		x		
22	**Khoa Giáo dục quốc phòng**	x			
23	Bộ môn Đường lối quân sự	x			
24	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	x			
25	**Khoa Khoa học cơ bản**		x		
26	Bộ môn Cơ lý thuyết		x		
27	Bộ môn Giáo dục thể chất		x		
28	Bộ môn Hình họa			x	
29	Bộ môn Hóa		x		
30	Bộ môn Ngoại ngữ		x		
31	Bộ môn Toán		x		
32	Bộ môn Vật lý		x		

TT	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
33	**Khoa Khoa học và KTĐC**		x		
34	Bộ môn Địa chất		x		
35	Bộ môn Địa chất công trình		x		
36	Bộ môn Địa chất Thủy văn		x		
37	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa		x		
38	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò		x		
39	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
40	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	x			
41	Bộ môn QTDN Mỏ	x			
42	Bộ môn Kinh tế cơ sở		x		
43	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp		x		
44	**Khoa Lý luận chính trị**		x		
45	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN		x		
46	Bộ môn Triết học và Pháp luật		x		
47	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH		x		
48	**Khoa Mỏ**		x		
49	Bộ môn Khai thác hầm lò		x		
50	Bộ môn Khai thác lộ thiên		x		
51	Bộ môn Sức bền vật liệu		x		
52	Bộ môn Tuyển khoáng		x		
53	**Khoa Môi trường**		x		
54	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT		x		
55	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường		x		
56	Bộ môn QLTN và môi trường		x		
57	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**		x		
58	Bộ môn Bản đồ	x			
59	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám		x		
60	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	x			
61	Bộ môn Trắc địa Công trình		x		
62	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
63	Bộ môn Địa chính		x		
64	Bộ môn Trắc địa Phổ thông		x		
65	Tổ máy Trắc địa		x		
66	**Khoa Xây dựng**	x			
67	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
68	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
69	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở		x		

TT	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác chính trị - SV		x		
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo Đại học		x		
4	Phòng Đạo tạo sau đại học	x			
5	Phòng ĐBCLGD		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x		
7	Phòng Hợp tác quốc tế	x			
8	Phòng KHCN		x		
9	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
10	Phòng Quan hệ CC và DN		x		
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x		
12	Phòng Xuất bản		x		
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x		
14	VP Đảng - Đoàn thể		x		
15	Trạm y tế		x		
16	Trung tâm dịch vụ		x		
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x			
18	Trung tâm PTTN CN cao		x		
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x		
20	Ban quản lý các dự án	x			
21	Văn phòng Đại diện		x		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 2977 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 sửa đổi;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-BGDĐT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 2720/QĐ-MĐC ngày 14/11/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và sáng kiến, thi đua khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 04/12/2025 của Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024 - 2025 và cuộc họp ngày 09/12/2025 của Thường trực Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2024 - 2025 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải



KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1977/QĐ-MĐC ngày 11 tháng 12 năm 2025)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
2	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
3	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
4	Ngô Ngọc Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
5	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin		x			
6	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin		x			
7	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
8	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin			x		
9	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin		x			
10	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
11	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
12	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
13	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin			x		
14	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
15	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
16	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
17	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
18	Nguyễn Thị Hải yến	Khoa Công nghệ thông tin		x			
19	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin		x			
20	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin		x			
21	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
22	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
23	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
24	Trương xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
25	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin		x			
26	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
27	Nguyên Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x			
28	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin		x			
29	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
30	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
31	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
32	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
33	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
34	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin			x		
35	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
36	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
37	Nguyễn Văn Thắng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
38	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
39	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
40	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
41	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
42	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin		x			
43	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
45	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện			x		
46	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện		x			
47	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện		x			
48	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện		x			
49	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
50	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện		x			
51	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện			x		
52	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
53	Nguyễn Thành Đức	Khoa Cơ - Điện		x			
54	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
55	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện		x			
56	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
57	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện		x			
58	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện		x			
59	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
60	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện		x			
61	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
62	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện	x				
63	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	x				
64	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
65	Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Cơ - Điện		x			
66	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
67	Lê Văn Quang	Khoa Cơ - Điện			x		
68	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện		x			
69	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
70	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
71	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện		x			
72	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện		x			
73	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện		x			
74	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện		x			
75	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện		x			
76	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
77	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
78	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện		x			
79	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
80	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện		x			
81	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
82	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
83	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
84	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
85	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
86	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
87	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
88	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
89	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
90	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
91	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
92	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
93	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
94	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
95	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
96	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
97	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
98	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
99	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
100	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
101	Phạm xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
102	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
103	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
104	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
105	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
106	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
107	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
108	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
109	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
110	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
111	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
112	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
113	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
114	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
115	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
116	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
117	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
118	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
119	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
120	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
121	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
122	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD					x
123	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
124	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
125	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
126	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
127	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
128	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
129	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
130	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
131	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
132	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
133	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
134	Phạm Thu Uyên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
135	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
136	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
137	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
138	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
139	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
140	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
141	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
142	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
143	Đỗ Đức Ánh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
144	Phạm Đức Quang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
145	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
146	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
147	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
148	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
149	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
150	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
151	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
152	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
153	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
154	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
155	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
156	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
157	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
158	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
159	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
161	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
162	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
163	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
164	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
165	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
166	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
167	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
168	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
169	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản			x		
170	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
171	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
172	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
173	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
174	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản		x			
175	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
176	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
177	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
178	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
179	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
180	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
181	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản			x		
182	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
183	Lê Thị Thuý Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
184	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
185	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
186	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
187	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x		
188	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
189	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
190	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
191	Dương Thị Mỹ Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
192	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Khoa học cơ bản		x			
193	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Khoa Khoa học cơ bản		x			
194	Đỗ Hữu Hoàng Bách	Khoa Khoa học cơ bản			x		
195	Nguyễn Đức Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
196	Nguyễn Thị Vũ Loan	Khoa Khoa học cơ bản		x			
197	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản					x
198	Đào xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
199	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
200	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
201	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
202	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
203	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
204	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
205	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
206	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
207	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
208	Nguyễn xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
209	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
210	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
211	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
212	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
213	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản			x		
214	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
215	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
216	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
217	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
218	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
219	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
220	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
221	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
222	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
223	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
224	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
225	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KT Địa chất			x		
226	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
227	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
228	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
229	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
230	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
231	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
232	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
233	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
234	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
235	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
236	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
237	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
238	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
239	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
240	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
241	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
242	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
243	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
244	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
245	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KT Địa chất			x		
246	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
247	Lê xuân Trường	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
248	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
249	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
250	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
251	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
252	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
253	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
254	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
255	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
256	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
257	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KT Địa chất			x		
258	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
259	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
260	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
261	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị		x			
262	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị		x			
263	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị		x			
264	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị		x			
265	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
266	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị		x			
267	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị		x			
268	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị		x			
269	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị		x			
270	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị		x			
271	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị		x			
272	Nhữ Thành Trung	Khoa Lý luận chính trị					x
273	Nguyễn Thị Hạnh	Khoa Lý luận chính trị		x			
274	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ		x			
275	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ	x				
276	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ		x			
277	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
278	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
279	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ		x			
280	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ			x		
281	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
282	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
283	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ		x			
284	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ					x
285	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ		x			
286	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
287	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
288	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ		x			
289	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
290	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
291	Lâm Kiều Anh	Khoa Mỏ			x		
292	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
293	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
294	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ		x			
295	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ		x			
296	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
297	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
298	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
299	Trần Văn Được	Khoa Mỏ		x			
300	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ		x			
301	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
302	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ		x			
303	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ		x			
304	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ		x			
305	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
306	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
307	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường		x			
308	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
309	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
310	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường		x			
311	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
312	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường		x			
313	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
314	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
315	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường			x		
316	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
317	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường		x			
318	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường		x			
319	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường		x			
320	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			
321	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường					x
322	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				
323	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
324	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
325	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
326	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
327	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
328	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường		x			
329	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
330	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
331	Pham Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
332	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
333	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
334	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
335	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
336	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
337	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
338	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
339	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
340	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
341	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
342	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
343	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
344	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
345	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
346	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
347	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
348	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
349	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
350	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
351	Trần Thuỳ Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
352	Nguyễn Thị Bích Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
353	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
354	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
355	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
356	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
357	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
358	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
359	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
360	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
361	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
362	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
363	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
364	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
365	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
366	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
367	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
368	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
369	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
370	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
371	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
372	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
373	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
374	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
375	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
376	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
377	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
378	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
379	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
380	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
381	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng	x				
382	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng		x			
383	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
384	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
385	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
386	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
387	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
388	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
389	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
390	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
391	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
392	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
393	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng					x
394	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
395	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng		x			
396	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng		x			
397	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng		x			
398	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng		x			
399	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng		x			
400	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án		x			
401	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án		x			
402	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án		x			
403	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	x				
404	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - SV	x				
405	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
406	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
407	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - SV	x				
408	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
409	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
410	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
411	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x			
412	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x			
413	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
414	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
415	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
416	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
417	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
418	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
419	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất		x			
420	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
421	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất		x			
422	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
423	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất		x			
424	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
425	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất		x			
426	Phạm Thị Tâm	Phòng Cơ sở vật chất		x			
427	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
428	Đỗ Bảo Anh Phương	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
429	Nhữ Quỳnh Chi	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
430	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
431	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo CLGD	x				
432	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học		x			
433	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học	x				
434	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	x				
435	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học		x			
436	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
437	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học		x			
438	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học		x			
439	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học		x			
440	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học		x			
441	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học		x			
442	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	x				
443	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
444	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
445	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
446	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
447	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
448	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
449	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
450	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
451	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
452	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
453	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
454	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
455	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
456	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
457	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
458	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
459	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
460	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
461	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
462	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
463	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
464	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
465	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
466	Trần Thị Xuân	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
467	Trần Duy Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
468	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
469	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
470	Đặng Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
471	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
472	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
473	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
474	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
475	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
476	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
477	Nguyễn Thị Thu	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
478	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
479	Nguyễn Thị Loan	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
480	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học công nghệ	x				
481	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học công nghệ	x				
482	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học công nghệ		x			
483	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học công nghệ		x			
484	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
485	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
486	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
487	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
488	Đặng lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
489	Đồng Hữu Tiến	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
490	Ngô Thị Thảo	Phòng Quan hệ CC và DN			x		
491	Vũ Thị Thúy	Phòng Quan hệ CC và DN			x		
492	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
493	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
494	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
495	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
496	Trịnh Thị Phúc Ngân	Phòng Tổ chức - Cán bộ					x
497	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
498	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x			
499	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản		x			
500	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế	x				
501	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế		x			
502	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế		x			
503	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
504	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ			x		
505	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
506	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
507	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
508	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ		x			
509	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
510	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
511	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
512	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
513	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			
514	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
515	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
516	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
517	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
518	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
519	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
520	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
521	Đặng Thị Hương	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
522	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao		x			
523	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
524	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
525	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
526	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
527	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
528	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
529	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
530	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
531	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
532	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
533	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
534	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
535	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
536	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x			
537	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x			
538	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
539	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể	x				
540	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể	x				
541	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể		x			